

Số: /2020/QĐST-HNGĐ

*Tam Đường, ngày 16 tháng 6 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lù Thị N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Bản P, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu

Bị đơn: Anh Lù A Sảo, sinh năm 1982

Địa chỉ: Bản P, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 58, 69, 71, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lù Thị N và anh Lù A S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị N và anh Lù A S đều thuận tình ly hôn

- Việc nuôi con: Chị Lù Thị NhNấn và anh Lù A S thỏa thuận được: Anh Lù A S là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu Lù Văn C, sinh ngày 16/3/2007 cháu Lù Văn M, sinh năm 18/10/2008 cho đến khi cháu C và cháu M thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Lù Thị N không phải cấp

đưỡng nuôi con chung

- Chị Lò Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.
- Chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị Lò Thị N và anh Lò A S không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị Lò Thị N và anh Lò A S mỗi người phải chịu 75.000 VNĐ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lò A S nhất trí để chị Lò Thị N nộp thay số tiền mà anh Lò A S phải nộp. Tổng cộng chị Lò Thị N phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.
- Chị Lò Thị N đã nộp 300.000 VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2010/0003840 ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, nay 150.000 đồng chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm, chị Lò Thị N được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn*)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Dương Thanh Bắc**